

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2022

Số: 4508- CV/HVBCTT
V/v góp ý vào Dự thảo
Quy định chế độ làm việc của giảng viên

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Học viện

Để hoàn thiện Quy định chế độ làm việc của giảng viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền, thừa lệnh Giám đốc, Ban Tổ chức - Cán bộ đề nghị các đơn vị cho ý kiến góp ý vào bản Dự thảo Quy định chế độ làm việc của giảng viên Học viện (*gửi kèm theo*). Văn bản ý kiến góp ý gửi về Giám đốc (qua ban Tổ chức - Cán bộ), đồng thời gửi file ý kiến góp ý qua email: bantochuchvbc@gmail.com trước ngày **30/9/2022**.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên,
- Lưu TC.

T/L GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ



Hà Huy Phụng

Hà Huy Phụng

QUY ĐỊNH

Chế độ làm việc của giảng viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền
(Ban hành kèm theo Quyết định số -QĐ/HVBCTT ngày tháng năm 2022 của
Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định về tiêu chuẩn, quyền lợi, nhiệm vụ, chế độ làm việc của giảng viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền (sau đây gọi tắt là Học viện), bao gồm: tiêu chuẩn, quyền lợi, nhiệm vụ của các chức danh giảng viên; quy định về thời gian làm việc; giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ chuyên môn khác; quy đổi các hoạt động chuyên môn ra giờ chuẩn giảng dạy và chế độ làm việc vượt định mức lao động; quản lý, sử dụng và áp dụng thời gian làm việc đối với giảng viên của Học viện. **Quy định này không áp dụng đối với giảng viên giảng dạy chương trình chất lượng cao và chương trình liên kết quốc tế.**

2. Quy định này áp dụng đối với các chức danh giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp trong biên chế; **giảng viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động và giảng viên là sĩ quan biệt phái, giảng viên kiêm nhiệm, giảng viên thỉnh giảng** (sau đây gọi chung là giảng viên) giảng dạy tại Học viện và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Hệ thống chức danh nghề nghiệp giảng viên ở Học viện

1. Giảng viên cao cấp (hạng I) - Mã số: V.07.01.01;

2. Giảng viên chính (hạng II) - Mã số: V.07.01.02;

3. Giảng viên (hạng III) - Mã số: V.07.01.03;

4. Giảng viên tập sự là người được tuyển dụng vào ngạch giảng viên, đang trong thời gian hợp đồng làm việc lần đầu, tập sự chuyên môn theo quy định của Luật Viên chức.

Người đã giảng dạy ở trường đại học tối thiểu 12 tháng không phải thực hiện chế độ tập sự. Người có bằng tiến sĩ và đã tham gia giảng dạy trong thời gian làm nghiên cứu sinh thì được xem xét rút ngắn thời gian tập sự.

5. Giảng viên kiêm nhiệm là người giữ ngạch giảng viên: là cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhà khoa học công tác tại phòng, ban, trung tâm, đơn vị chức năng thuộc Học viện.

6. Giảng viên thỉnh giảng là:

a) Cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của Đảng, Nhà nước, lãnh đạo các ban, bộ, ngành, đoàn thể.

b) Nhà khoa học có uy tín trong công tác giảng dạy, nghiên cứu lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, khoa học chính trị, khoa học lãnh đạo, quản lý, các cơ quan báo chí, truyền thông... đã và đang công tác ở các cơ quan, tổ chức trong nước và

nước ngoài, có phẩm chất chính trị, tư tưởng, lập trường vững vàng, có đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ giảng dạy.

Đối với giảng viên thỉnh giảng là người nước ngoài: có thái độ chính trị phù hợp với chế độ chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tuân thủ pháp luật của Việt Nam; đáp ứng yêu cầu về kiến thức và năng lực giảng dạy.

c) Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy của Học viện đã nghỉ hưu.

Điều 3. Mục đích

1. Làm căn cứ để Giám đốc Học viện phân công, bố trí, sử dụng, nâng cao chất lượng và hiệu quả lao động đối với giảng viên.

2. Làm căn cứ để các cơ quan quản lý giáo dục kiểm tra, thẩm định, đánh giá, xây dựng chính sách, chương trình đào tạo và bồi dưỡng giảng viên.

3. Làm cơ sở để giảng viên xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Làm cơ sở để Giám đốc Học viện đánh giá, xếp loại giảng viên hàng năm và đảm bảo tính công khai, công bằng, dân chủ trong việc thực hiện chế độ, chính sách, quyền và nghĩa vụ của giảng viên.

5. Làm cơ sở để Học viện thanh toán chế độ cho giảng viên thực hiện vượt định mức giờ chuẩn giảng dạy trong năm học theo quy định tại văn bản này và Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện.

Chương II

TIÊU CHUẨN VÀ NHIỆM VỤ CỦA GIẢNG VIÊN

Điều 4. Tiêu chuẩn chung

1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phẩm chất đạo đức tốt; chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Tận tụy, trung thực, cầu thị; tâm huyết với sự nghiệp bồi dưỡng, đào tạo, nghiên cứu khoa học và sự nghiệp phát triển Học viện; giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự người giảng viên trường Đảng; đoàn kết, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp trong công tác và trong cuộc sống; dân chủ trong giảng dạy, công bằng trong đánh giá kết quả học tập, ứng xử chuẩn mực với học viên, đồng nghiệp.

3. Có trình độ chuyên môn phù hợp tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy hiện tại.

4. Có trình độ lý luận chính trị, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức. Có năng lực nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.

5. Có đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp.

6. Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đối với những giảng viên từ 30 tuổi trở lên, giảng dạy tại các ngành, chuyên ngành lý luận chính trị.

Điều 5. Nhiệm vụ chung

Giảng viên các ngạch tại Học viện có những nhiệm vụ chung sau đây:

1. Giảng dạy các hệ lớp thuộc Học viện; tham gia giảng dạy tại các cơ sở đào tạo khác khi được sự phân công hoặc theo đề nghị của cá nhân được Thủ trưởng đơn vị đồng ý (trừ giảng viên thỉnh giảng).

2. Thường xuyên, tích cực tham gia học tập, bồi dưỡng, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3. Nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu, giảng dạy; chủ động, tích cực tham gia vào việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

4. Tham gia đào tạo giảng viên trẻ, đội ngũ giảng viên kế cận cho Học viện.

5. Tích cực tham gia công tác xã hội, các hoạt động tập thể trong cơ quan, đơn vị và nơi cư trú; góp phần xây dựng hình ảnh Học viện, hình ảnh cán bộ giảng viên trường Đảng; xây dựng và phát triển mối quan hệ giữa Học viện với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong và ngoài nước có liên quan.

6. Đi thực tế, biệt phái dài hạn từ 06 đến 24 tháng tại các cơ quan Trung ương hoặc địa phương, hoặc các đơn vị trực thuộc Học viện đối với giảng viên hạng I, II, III (nam dưới 50 tuổi, nữ dưới 45 tuổi). Không yêu cầu đi thực tế, biệt phái với trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được tuyển dụng đã công tác tại các ban, bộ, ngành, địa phương có thời gian từ 05 năm trở lên trước khi chuyển công tác về Học viện.

7. Đi nghiên cứu thực tế hằng năm theo quy định chung của Học viện.

8. Ngoài ra giảng viên còn phải thực hiện nhiệm vụ của các chức danh giảng viên theo Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Học viện.

9. Giảng viên có chức danh Phó giáo sư, Giáo sư ngoài việc thực hiện nhiệm vụ của giảng viên quy định tại Điều này còn phải thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư.

10. Các nhiệm vụ khác do Giám đốc Học viện quyết định.

Điều 6. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ của Giảng viên tập sự

1. Tiêu chuẩn

a) Tốt nghiệp Đại học loại khá trở lên. Có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên môn, chuyên ngành giảng dạy.

b) Sử dụng được ít nhất 01 ngoại ngữ tương đương bậc 2 (A2) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo

quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

d) Có năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

2. Nhiệm vụ

a) Nghiên cứu chương trình, vị trí, yêu cầu của môn học, phương pháp giảng dạy, các quy định kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của học viên.

b) Xây dựng ít nhất 01 đề cương bài giảng 05 tiết. Trình bày đề cương bài giảng trước hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị ít nhất 01 lần và trước toàn thể đơn vị tối đa 02 lần.

c) Dự giảng tối thiểu là 40 tiết giảng trong thời gian tập sự.

d) Tham gia công tác trợ giảng.

đ) Phân đấu, tu dưỡng, rèn luyện về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần, thái độ công tác.

e) Phân đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (nếu chưa phải là Đảng viên).

Điều 7. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ của Giảng viên (hạng III)

1. Tiêu chuẩn

a) Tốt nghiệp Đại học loại khá trở lên. Có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên môn, chuyên ngành giảng dạy trong thời gian tối đa 02 năm tính từ khi được bổ nhiệm vào ngạch,

b) Có Bằng Cử nhân Chính trị hoặc Trung cấp lý luận chính trị (hoặc Trung cấp lý luận chính trị - hành chính) trở lên.

c) Có Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm (hoặc Chứng chỉ Phương pháp giảng dạy tích cực, hoặc Phương pháp giảng dạy hiện đại, hoặc Chứng chỉ Bồi dưỡng giảng viên Lý luận chính trị).

d) Có Chứng chỉ Bồi dưỡng giảng viên (hạng III) hoặc Chứng chỉ Bồi dưỡng ngạch chuyên viên (hoặc bằng Cao cấp Lý luận chính trị - hành chính).

đ) Sử dụng được 01 ngoại ngữ ở trình độ bậc 2 (A2) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với giảng viên ngoại ngữ thì ngoại ngữ 2 phải đạt trình độ bậc 2 (A2).

e) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

g) Có năng lực tổng kết thực tiễn, đưa kết quả nghiên cứu vào bài giảng.

2. Nhiệm vụ

a) Tham gia các hoạt động giảng dạy thuộc lĩnh vực chuyên ngành khi được phân công. Trong thời gian 03 năm tính từ khi được bổ nhiệm vào ngạch, giảng dạy được ít nhất 02 bài (hoặc chuyên đề/ môn học) trong các chương trình đào tạo ở hệ cử nhân, sau đại học (đối với giảng viên có trình độ tiến sĩ).

b) Tham gia nghiên cứu khoa học: Mỗi năm có ít nhất 02 công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên sách, tạp chí, bản tin chuyên ngành, kỷ yếu đề tài/hội thảo khoa học cấp cơ sở trở lên.

c) Nghiên cứu thực tế tối thiểu 15 ngày/năm theo kế hoạch của đơn vị (báo cáo thủ trưởng đơn vị kết quả nghiên cứu bằng văn bản).

d) Tham gia quản lý đào tạo: Cố vấn học tập, chủ nhiệm lớp, hướng dẫn kiến tập, thực tập, đưa sinh viên đi thực tế (nếu có yêu cầu).

đ) Học tập, phấn đấu, tu dưỡng để có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định để dự xét thăng hạng lên giảng viên chính.

e) Hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, giảng dạy và hoạt động khác được giao.

g) Học tập, phấn đấu, tu dưỡng để có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định để xét thăng hạng lên ngạch giảng viên chính.

h) Phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (nếu chưa phải là Đảng viên).

Điều 8. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ của Giảng viên chính (hạng II)

1. Tiêu chuẩn

a) Có Bằng Thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy.

b) Có Bằng Cao cấp lý luận chính trị (hoặc Cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc Bằng Cử nhân chính trị).

c) Có Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm (hoặc Chứng chỉ Phương pháp giảng dạy tích cực hoặc Phương pháp giảng dạy hiện đại hoặc Chứng chỉ Bồi dưỡng giảng viên Lý luận chính trị). Có phương pháp giảng dạy khoa học; sử dụng thành thạo các phương tiện, công nghệ hỗ trợ hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

d) Có Chứng chỉ Bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II) hoặc Chứng chỉ Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính (hoặc bằng Cao cấp lý luận chính trị - hành chính).

đ) Có Chứng chỉ Bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

e) Sử dụng được 01 ngoại ngữ trong giảng dạy, nghiên cứu với trình độ tương đương bậc 3 (B1) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với giảng viên ngoại ngữ thì ngoại ngữ thứ 2 phải đạt trình độ bậc 3 (B1).

g) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

h) Nắm chắc và vận dụng có hiệu quả lý luận Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác nghiên cứu và giảng dạy.

i) Nắm vững mục tiêu, chương trình, kế hoạch, nội dung của chuyên ngành đào tạo, kiến thức cơ bản của các môn học có liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

k) Có phương pháp giảng dạy khoa học; sử dụng thành thạo các phương pháp, phương tiện kỹ thuật dạy học hiện đại. Có năng lực tổng kết thực tiễn, đưa kết quả nghiên cứu vào bài giảng.

2. Nhiệm vụ

a) Tham gia giảng dạy thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân công. Trong thời gian 02 năm tính từ khi được bổ nhiệm vào ngạch, giảng dạy được ít nhất 2/3 giáo trình chính của môn học đối với hệ đại học và sau đại học.

b) Tham gia nghiên cứu khoa học: Mỗi năm có ít nhất 02 công trình khoa học được công bố trên sách, tạp chí chuyên ngành hoặc hội thảo, đề tài khoa học cấp bộ trở lên, phù hợp với chuyên môn của đơn vị giảng dạy.

c) Biên soạn hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 bài hoặc chuyên đề trong giáo trình Cử nhân, chuyên đề ở bậc sau đại học (trong năm mà đơn vị được phân công xây dựng, sửa chữa, bổ sung những tài liệu trên).

d) Hoàn thành kế hoạch nghiên cứu thực tế, tổng kết thực tiễn theo quy định của Học viện. Nghiên cứu thực tế tối thiểu 11 ngày/năm theo kế hoạch của đơn vị.

đ) Tham gia quản lý đào tạo: Cố vấn học tập, chủ nhiệm lớp, hướng dẫn kiến tập, thực tập, đưa sinh viên đi thực tế (nếu có yêu cầu).

e) Hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu, giảng dạy và các nhiệm vụ khác được phân công.

g) Học tập, phấn đấu, tu dưỡng để có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định để xét thăng hạng lên ngạch giảng viên cao cấp.

Điều 9. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ của Giảng viên cao cấp (hạng I)

1. Tiêu chuẩn

a) Có Bằng Tiến sĩ phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy.

b) Có Bằng Cao cấp lý luận chính trị (hoặc Cao cấp lý luận chính trị - hành chính, hoặc Cử nhân chính trị).

c) Có Chứng chỉ Bồi dưỡng giảng viên cao cấp (hạng I) hoặc Chứng chỉ Bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp (hoặc Bằng Cao cấp lý luận chính trị - hành chính).

d) Có Chứng chỉ Bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

đ) Sử dụng thành thạo ít nhất 01 ngoại ngữ trong nghiên cứu, giảng dạy, trình độ tương đương bậc 4 (B2) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với giảng viên ngoại ngữ thì ngoại ngữ thứ 2 phải đạt trình độ bậc 4 (B2).

e) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

g) Hiểu biết sâu sắc, hệ thống và có khả năng vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào công tác nghiên cứu và giảng dạy.

h) Nắm vững mục tiêu, yêu cầu, nội dung, chương trình, kế hoạch đào tạo của môn học. Có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực khoa học chuyên ngành.

i) Có khả năng tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn giảng viên, học viên nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

k) Có phương pháp giảng dạy khoa học; sử dụng thành thạo các phương pháp,

phương tiện kỹ thuật dạy học hiện đại.

2. Nhiệm vụ

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy được giao. Trong thời gian 02 năm tính từ khi được bổ nhiệm vào ngạch, giảng dạy được ít nhất 2 môn trong chương trình Cử nhân, sau đại học.

b) Tham gia nghiên cứu khoa học: Mỗi năm có ít nhất 03 công trình khoa học được công bố trên sách, tạp chí chuyên ngành hoặc hội thảo, đề tài khoa học cấp bộ trở lên, phù hợp với chuyên môn của đơn vị giảng dạy.

c) Biên soạn hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 bài hoặc chuyên đề trong giáo trình Cử nhân, chuyên đề ở bậc sau đại học (trong năm mà đơn vị được phân công xây dựng, sửa chữa, bổ sung những tài liệu trên).

c) Nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn để nâng cao chất lượng giảng dạy, đóng góp vào việc bảo vệ, phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

d) Đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đội ngũ giảng viên kế cận về chuyên môn, nghiệp vụ.

đ) Nghiên cứu thực tế và tổng kết thực tiễn tối thiểu 10 ngày/năm theo kế hoạch của đơn vị.

e) Hoàn thành tốt các nhiệm vụ khác được phân công.

g) Học tập, phấn đấu, tu dưỡng để có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định để được công nhận các chức danh, danh hiệu vinh dự đối với nhà giáo, giải thưởng của Học viện, của Nhà nước.

Điều 10. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ của Giảng viên kiêm nhiệm

1. Tiêu chuẩn: Có trình độ, phương pháp, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp, đủ tiêu chuẩn giảng viên và có nguyện vọng giảng dạy, được khoa, viện đồng ý công nhận là giảng viên kiêm nhiệm tại đơn vị.

2. Nhiệm vụ: Tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, hoạt động khoa học của đơn vị tham gia giảng dạy; được bố trí lịch giảng, báo cáo chuyên đề; mời hướng dẫn viết luận văn, luận án, đề án tốt nghiệp; tham gia các hội đồng chấm luận văn, luận án, đề án tốt nghiệp; tham gia xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy.

Điều 11. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ của Giảng viên thỉnh giảng

1. Tiêu chuẩn

a) Đối với giảng dạy các môn học, chuyên đề được quy định trong chương trình đào tạo của Học viện, giảng viên thỉnh giảng phải bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn chung đối với giảng viên tại Quy định này.

b) Đối với giảng dạy các chuyên đề trong chương trình bồi dưỡng, giảng viên thỉnh giảng phải có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp.

2. Nhiệm vụ

Giảng viên thỉnh giảng thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định của pháp

luật; giảng dạy, báo cáo các chuyên đề khoa học, thực tiễn bảo đảm đúng đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

CHƯƠNG III QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA GIẢNG VIÊN

Điều 12. Quyền lợi và trách nhiệm của giảng viên

1. Quyền lợi

a) Được dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, hội thảo, tọa đàm khoa học trong, ngoài Học viện và ngoài nước. Có quyền được tiếp cận thông tin thường xuyên, kịp thời phục vụ giảng dạy, nghiên cứu.

b) Được góp ý kiến, tham mưu, tư vấn vào việc hoạch định đường lối, chiến lược, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi có yêu cầu.

c) Được hưởng chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước và của Học viện đối với giảng viên. Được xếp lương theo ngạch, bậc lương tương ứng với trình độ được đào tạo và vị trí việc làm.

d) Được đảm bảo trang thiết bị, phương tiện, điều kiện làm việc để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, của Học viện.

đ) Giảng viên tham gia hoạt động khoa học và công nghệ được hưởng quyền theo quy định tại Luật Khoa học và công nghệ.

2. Trách nhiệm

a) Tuân thủ các quy định về ứng xử văn hóa của Học viện và các quy định của Đảng, Nhà nước về giáo dục, đào tạo

b) Cụ thể hóa chương trình, kế hoạch công tác 06 tháng, 01 năm và dài hạn theo tiêu chuẩn, nhiệm vụ.

c) Thường xuyên báo cáo thủ trưởng đơn vị về kết quả hoạt động và tự kiểm điểm, đánh giá định kỳ 06 tháng và hằng năm.

Điều 13. Quyền lợi và trách nhiệm của giảng viên kiêm nhiệm

1. Được đơn vị sử dụng tạo điều kiện thuận lợi trong công tác xét học hàm và các danh hiệu đối với nhà giáo theo quy định của pháp luật và của Học viện.

2. Hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên theo quy định của pháp luật và của Học viện, được thanh toán phụ cấp giờ giảng và thù lao hướng dẫn, chấm bài, chấm luận văn, luận án,...; được chuyển xếp sang ngạch giảng viên (nếu có yêu cầu và nguyện vọng).

Điều 14. Quyền lợi và trách nhiệm của giảng viên thỉnh giảng

1. Giảng viên thỉnh giảng được Học viện mời tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hoạt động hợp tác quốc tế, nghiên cứu, khảo sát ở nước ngoài. Giảng viên thỉnh giảng được tạo điều kiện thuận lợi trong việc xét công nhận tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư; xét tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú và các danh hiệu khác của Nhà nước đối với người làm công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

2. Được đề nghị xét khen thưởng trong trường hợp có đóng góp đặc biệt vào công

tác đào tạo của Học viện,.

3. Giảng viên thỉnh giảng được hưởng thù lao, quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng thỉnh giảng, hợp đồng vụ việc theo quy định của Đảng, Nhà nước và của Học viện.

Chương IV THỜI GIAN LÀM VIỆC, GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÁC NHIỆM VỤ KHÁC CỦA GIẢNG VIÊN

Điều 15. Thời gian và định mức thời gian làm việc

1. Thời gian làm việc của giảng viên trong năm học là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính) để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác, được xác định theo năm học sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định. Năm học được xác định từ ngày 01/8 đến ngày 31/7 hằng năm.

2. Định mức thời gian làm việc của giảng viên được quy ra tổng giờ chuẩn nghĩa vụ, bao gồm: giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn nghiên cứu khoa học và giờ chuẩn nhiệm vụ khác được quy định cụ thể như sau:

Chức danh Nhiệm vụ	Giảng viên tập sự	Giảng viên (Hạng III)	Giảng viên chính (Hạng II)	Giảng viên cao cấp (Hạng I)
1. Giảng dạy (giờ hành chính/năm)	900 (tương đương 100 giờ chuẩn, khuyến khích giảng viên lên lớp)	900 (tương đương 230 giờ chuẩn, trong đó 115 giờ trực tiếp lên lớp) 30	900 tương đương 250 giờ chuẩn, trong đó 125 giờ trực tiếp lên lớp) 30	900 (Tương đương 270 giờ trực tiếp lên lớp) 30
2. Nghiên cứu khoa học (giờ hành chính/năm)	Khuyến khích	586 (tương đương 150 giờ chuẩn)	586 (tương đương 170 giờ chuẩn)	586 (tương đương 190 giờ chuẩn)
3. Học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ chuyên môn khác (giờ hành chính/năm)	860	274	274	274
Tổng cộng giờ hành chính/năm học	1.760	1.760	1.760	1.760

Thời gian và định mức thời gian làm việc được quy định tại chương này áp dụng cho các chức danh giảng viên tại Học viện (trừ giảng viên thỉnh giảng).

- Đối với chức danh Trợ giảng, các nhiệm vụ theo quy định được thực hiện trong phạm vi tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học; chế độ làm việc 08 giờ/01 ngày và 05 ngày/01 tuần.

- Giảng viên được công nhận hoàn thành nhiệm vụ theo quy định nếu đáp ứng các điều kiện sau: (1) Giảng viên thực hiện giờ chuẩn trực tiếp trên lớp hoặc giảng dạy trực tuyến (giảng dạy lý thuyết và dạy thực hành, thí nghiệm hoặc ngoài thực địa) ít nhất bằng 50% định mức giờ chuẩn giảng dạy; (2) Giảng viên thực hiện đủ định mức nghiên cứu khoa học; học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ chuyên môn khác theo quy định.

Trong một năm học, giảng viên giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập, bồi dưỡng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác vượt định mức được hưởng chế độ làm việc vượt định mức theo quy định của pháp luật.

2. Giờ chuẩn giảng dạy (sau đây gọi chung là giờ chuẩn) là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành khối lượng một công việc nhất định thuộc nhiệm vụ của giảng viên tương đương với một tiết giảng lý thuyết trình độ đại học trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến), bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết giảng.

3. Thời gian giảng dạy trong kế hoạch đào tạo được tính bằng giờ chuẩn giảng dạy, trong đó một tiết giảng lý thuyết trình độ đại học trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) 50 phút được tính bằng một giờ chuẩn giảng dạy và được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 17 của Quy định này.

Đối với các nội dung giảng dạy có tính chất đặc thù, các tiết giảng trình độ đại học trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) trên 50 phút giao thủ trưởng các đơn vị tham mưu Giám đốc quy đổi cho phù hợp.

4. Định mức giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên trong một năm học được quy định từ 200 đến 350 giờ chuẩn giảng dạy (tương đương từ 600 đến 1.050 giờ hành chính); trong đó, giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) phải đảm bảo tối thiểu 50% định mức quy định.

Giảng viên trong thời gian tập sự, thử việc chỉ thực hiện tối đa 50% định mức giờ chuẩn giảng dạy quy định của giảng viên (Hạng III), đồng thời được miễn giảm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học để dành thời gian tham dự giờ giảng, trợ giảng và tham gia thực tập, thực tế. Dự giờ tối thiểu 40 giờ/năm học.

Chương V

QUY ĐỊNH CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN RA GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VƯỢT ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

Điều 16. Các hoạt động chuyên môn được quy đổi ra giờ chuẩn

- Giảng lý thuyết (giảng bài, phụ đạo, hệ thống, giải đáp);
- Hướng dẫn thực hành, xemina, thảo luận, bài tập;
- Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ;
- Ra đề, coi thi, chấm thi học phần;
- Hướng dẫn soạn bài giảng và hướng dẫn chuẩn bị bài phát biểu miệng;
- Hướng dẫn, chỉ đạo sinh viên thực tế chính trị - xã hội, thực tế kinh tế - xã hội, kiến tập, thực tập;
- Chấm bài thu hoạch thực tế, kiến tập, thực tập;
- Hướng dẫn và chấm khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp;
- Hướng dẫn và chấm chuyên đề chuyên sâu, tiểu luận tổng quan, luận văn, luận án.

Điều 17. Quy đổi ra giờ chuẩn giảng dạy đại học hệ chính quy**1. Giảng dạy**

a) Một tiết giảng lý thuyết trực tiếp trên lớp hoặc trực tuyến cho tối đa 50 sinh viên được tính bằng 1,0 giờ chuẩn giảng dạy.

b) Một tiết giảng lý thuyết kết hợp làm mẫu ở thao trường, bãi tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh, một tiết giảng môn học giáo dục thể chất được tính bằng 1,0 giờ chuẩn giảng dạy.

c) Đối với lớp học có trên 50 sinh viên, tùy theo điều kiện làm việc cụ thể đối với từng lớp ở từng chuyên ngành khác nhau, một tiết giảng lý thuyết trực tiếp trên lớp hoặc trực tuyến có thể nhân hệ số quy đổi nhưng không quá 1,5.

d) Một tiết giảng bằng tiếng nước ngoài đối với môn học không phải là môn ngoại ngữ được tính bằng 1,5 đến 2,0 giờ chuẩn giảng dạy.

e) Một tiết tự học của sinh viên có hướng dẫn, có kiểm tra đánh giá của giảng viên được tính bằng 0,5 giờ giảng chuẩn giảng dạy.

g) Quy đổi ra giờ chuẩn giảng dạy đại học hệ chính quy cụ thể như sau:

STT	Tên công việc	Quy đổi ra giờ chuẩn
1	Giảng dạy lý thuyết	1 tiết giảng = 1 giờ
2	Giảng dạy thực hành của môn lý thuyết, môn thực hành	1 tiết giảng = 1 giờ
3	Giảng dạy Tiếng Việt cho sinh viên nước ngoài	1 tiết giảng = 1,2 giờ
4	Giảng dạy môn cơ sở ngành và chuyên ngành lý thuyết và thực hành	1 tiết giảng = 1,2 giờ
5	Giảng dạy ngoài Học viện	1 tiết giảng = 1,2 giờ
6	Các lớp học buổi tối, học thứ 7, chủ nhật	1 tiết giảng = 1,2 giờ

7	Giảng dạy lớp chất lượng cao các môn đại cương (bằng tiếng Việt)	1 tiết giảng = 1,5 giờ
8	Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài không phải ngành ngoại ngữ	1 tiết giảng = 2,0 giờ
9	Giảng dạy lớp chất lượng cao môn cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành (bằng tiếng Việt)	1 tiết giảng = 2,0 giờ
10	Giảng dạy lớp chất lượng cao môn Tiếng Anh chuyên ngành	1 tiết giảng = 2,5 giờ
11	Giảng dạy lớp chất lượng cao môn cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành (bằng tiếng Anh)	1 tiết giảng = 3,0 giờ
12	Trợ giảng một buổi (5 tiết) đối với giảng viên tập sự/chưa đủ điều kiện lên lớp (được cấp có thẩm quyền phê duyệt lịch)	5 tiết trợ giảng = 2,5 giờ/buổi
13	Dự giờ một buổi (5 tiết) (được cấp có thẩm quyền phê duyệt lịch và có biên bản họp rút kinh nghiệm)	5 tiết dự giảng = 2,0 giờ/buổi

2. Hướng dẫn thực hành, thực tập, xemina, bài tập

- Xác định môn lý thuyết và môn thực hành: Môn học được xác định là môn thực hành nếu có số tín chỉ thực hành trên 60% tổng số tín chỉ của môn học, các môn còn lại gọi là môn lý thuyết.

- Hướng dẫn thực hành, thực tập trong các phòng thực hành và ngoài thực địa: 1 tiết = 1 giờ chuẩn. Tùy theo đặc điểm môn học, trang thiết bị và giảng viên, khoa, viện đề nghị số lượng sinh viên mỗi nhóm không dưới 30 sinh viên và không nhiều hơn 75 sinh viên. Khi chia nhóm phải đảm bảo mỗi nhóm có 01 giảng viên hướng dẫn.

- Đối với môn Tin học:

+ 1 tiết lý thuyết = 1 giờ chuẩn.

+ Hướng dẫn thực hành trong phòng thực hành: 1 tiết = 1,0 giờ chuẩn.

Tùy theo số lượng máy tính, trang thiết bị dạy học và giảng viên, số lượng sinh viên mỗi nhóm không dưới 25 sinh viên và không nhiều hơn 50 sinh viên. Khi chia nhóm phải đảm bảo mỗi nhóm có 01 giảng viên hướng dẫn.

3. Hướng dẫn soạn bài giảng cho sinh viên

Các lớp đào tạo giảng viên và phát biểu miệng đối với sinh viên khoa Tuyên truyền: 1 sinh viên = 3 giờ chuẩn. Mỗi giảng viên hướng dẫn không quá 20 sinh viên trong cùng thời điểm.

4. Ra đề

STT	Tên công việc	Quy đổi ra giờ chuẩn
-----	---------------	----------------------

STT	Tên công việc	Quy đổi ra giờ chuẩn
1	<i>Ra đề thi học phần hình thức tự luận:</i>	
	- Thi viết	2 giờ/(3 đề + 3 đáp án)
	- Thi vấn đáp (kèm đáp án):	5 giờ /1 bộ câu hỏi (bộ đề vấn đáp dùng cho nhiều lớp và chỉ được tính 1 lần)
	- Đề thi lấy từ ngân hàng đề	Không được tính giờ
2	<i>Ra đề thi tốt nghiệp hình thức tự luận:</i>	
	- Thi viết	5 giờ/(3 đề + 3 đáp án)
	- Thi vấn đáp (kèm đáp án):	5 giờ /1 bộ câu hỏi (bộ đề vấn đáp dùng cho nhiều lớp và chỉ được tính 1 lần)
	- Đề thi lấy từ ngân hàng đề	Không được tính giờ
3	<i>Ra đề thi học phần hoặc tốt nghiệp hình thức trắc nghiệm, các câu có nội dung không trùng lặp với ngân hàng đề thi</i>	1 giờ/10 câu
	- Tổ hợp từ ngân hàng đề thi	1 giờ/20 câu
	- Đề thi lấy từ ngân hàng đề	Không được tính giờ

5. Coi thi

STT	Tên công việc	Quy đổi ra giờ chuẩn
1	Coi thi và chỉ đạo thi học phần	- 2,5 giờ/1 buổi (buổi thi 150 phút); 3 giờ/1 buổi (buổi thi 180 phút) - 2,0 giờ/1 buổi (dưới 150 phút)
2	Coi thi tốt nghiệp	3,0 giờ/1 buổi

Ghi chú: Số giờ chuẩn ra đề, coi thi học phần và coi thi tốt nghiệp thanh toán trực tiếp theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện.

6. Chấm kiểm tra giữa kỳ, thi học phần, thi tốt nghiệp

STT	Tên công việc	Quy đổi ra giờ chuẩn
1	Chấm kiểm tra giữa kỳ	1 giờ /10 bài/1 CB (1 CB chấm thi)
2	Chấm thi học phần tự luận, thi vấn đáp	1 giờ /6 bài/1 CB (2 CB chấm thi)
3	Chấm thi tiểu luận, tác phẩm, bài tập lớn	1 giờ/3 tiểu luận/1CB (2 CB chấm thi)

4	Chấm kiểm tra các bài thực hành để lấy điểm trung bình thay điểm thi học phần	1 giờ /7 bài thực hành (2 CB chấm thi)
5	Chấm thi thực hành giảng dạy	1 giờ /3 sinh viên/1 CB (2 CB chấm thi)
6	Chấm thi trắc nghiệm (<i>không chấm bằng máy</i>)	1 giờ/10 bài/1 CB (2 CB chấm thi)

7. Hướng dẫn, chấm khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp

STT	Tên công việc	Lớp		Quy đổi ra giờ chuẩn
1	Hướng dẫn khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp đại học (<i>bao gồm chọn đề tài, hướng dẫn làm đề cương, kiểm tra thực tế tại cơ sở, đọc bản thảo</i>)	Đại trà		15 giờ
		Chất lượng cao bằng tiếng Việt		20 giờ
		Chất lượng cao bằng tiếng Anh		30 giờ
2	Chấm khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp đại học (03 cán bộ chấm)	Đại trà	Tổ trưởng	4 giờ
			Ủy viên	3 giờ
		Chất lượng cao bằng tiếng Việt	Chủ tịch	4,8 giờ
			Ủy viên	3,6 giờ
		Chất lượng cao bằng tiếng Anh	Chủ tịch	7,0 giờ
			Ủy viên	5,25 giờ

8. Chấm bài thu hoạch thực tế chính trị - xã hội, thực tế kinh tế - xã hội, kiến tập, thực tập nghiệp vụ, hướng dẫn và chấm báo cáo thực tập tốt nghiệp

- Hướng dẫn, chỉ đạo sinh viên thực tế chính trị - xã hội, thực tế kinh tế - xã hội, kiến tập, thực tập tốt nghiệp: 10 giờ/1 lớp.

- Chấm bài thu hoạch thực tế chính trị - xã hội, thực tế kinh tế - xã hội, kiến tập: 1 giờ/5 sinh viên (2 CB chấm).

- Chấm bài thu hoạch thực tập tốt nghiệp: 1 giờ/3 sinh viên (2 CB chấm).

9. Quy mô lớp chuẩn đại học chính quy

- Lớp lý thuyết: Từ 50 đến 200 sinh viên/lớp
- Lớp thực hành tại phòng thực hành: Từ 25 đến 30 sinh viên/lớp
- Lớp Tin học: Từ 25 đến 30 sinh viên/lớp
- Lớp Ngoại ngữ chuyên ngành: Từ 25 đến 30 sinh viên/lớp
- Lớp Ngoại ngữ không chuyên: 30 – 40 sinh viên/lớp, không quá 55 sinh viên/lớp.

10. Hệ số lớp đông đại học chính quy

	Số lượng sinh viên/ lớp học phần	Giờ chuẩn
Lớp lý thuyết, lớp thực hành tại phòng lý thuyết, thực hành tại thực địa, thực hành trực tuyến	<= 50	1,0 giờ
	51-75	1,2 giờ
	76-100	1,5 giờ
	101-125	1,8 giờ
	126-150	2,0 giờ
	>=151	2,5 giờ
Tin học	<=30	1,0 giờ
	>31	1,2 giờ
Ngoại ngữ chuyên ngành	<=30	1,0 giờ
	>31	1,2 giờ
Ngoại ngữ không chuyên	<=40	1.0 giờ
	>41	1,2 giờ
Lớp thực hành tại phòng thực hành	<=30	1,0 giờ
	31-40	1,2 giờ
	41-50	1,5 giờ
	>51	1,8 giờ

Điều 18. Quy đổi ra giờ chuẩn giảng dạy sau đại học

1. Giảng dạy

Một tiết giảng chuyên đề, giảng lý thuyết cho các lớp đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ được tính bằng 1,5 đến 2,0 giờ chuẩn giảng dạy. Quy đổi ra giờ chuẩn giảng dạy sau đại học cụ thể như sau:

STT	Tên công việc	Quy đổi ra giờ chuẩn
1	Giảng dạy các lớp cao học	1,0 tiết lý thuyết = 1,5 giờ 1,0 tiết thực hành = 1,0 giờ
2	Giảng dạy các lớp nghiên cứu sinh	1,0 tiết lý thuyết = 1,7 giờ 1,0 tiết thực hành = 1,0 giờ

3	Hướng dẫn chuyên đề chuyên sâu, tiểu luận tổng quan cho NCS	10 giờ/1 chuyên đề
---	---	--------------------

2. Hướng dẫn học viên cao học và nghiên cứu sinh

STT	Tên công việc	Quy đổi ra giờ chuẩn
1	Hướng dẫn học viên làm luận văn thạc sĩ (<i>Tính vào năm học viên bảo vệ luận văn</i>)	25 giờ/1 luận văn
2	Hướng dẫn NCS làm luận án tiến sĩ (<i>Tính vào năm NCS bảo vệ luận án cấp Học viện</i>)	- 120 giờ/1 luận án. Nếu có 2 cán bộ hướng dẫn thì cán bộ hướng dẫn 1 được tính 70%, cán bộ hướng dẫn 2 được tính 30% tổng số giờ)
3	Thông qua đề cương đề tài cao học (<i>Hội đồng 5 thành viên</i>)	- Chủ tịch: 2,5 giờ /1 ĐC - Thư ký, ủy viên: 2,0 giờ /1 ĐC
4	Thông qua đề cương đề tài NCS (<i>Hội đồng 5 thành viên</i>)	- Chủ tịch: 4,0 giờ /1 HĐ - Thư ký, ủy viên: 3,5 giờ /1 HĐ

3. Ra đề thi, coi thi, chấm thi, hội đồng bảo vệ

STT	Tên công việc	Quy đổi ra giờ chuẩn
1	Ra đề thi hết học phần cao học, thi chuyên đề nghiên cứu sinh:	
	- Đề thi viết	3 giờ/(3 đề + 3 đáp án)
	- Đề thi vấn đáp	5 giờ/1 bộ câu hỏi và đáp án (<i>bộ đề vấn đáp dùng cho nhiều lớp và chỉ được tính 1 lần</i>)
2	Coi thi và chỉ đạo thi học phần	- 2,5 giờ/1 buổi (150-180 phút)/2 CB - 2,0 giờ/1 buổi (dưới 150 phút)/2 CB
3	Chấm bài kiểm tra điều kiện	1 giờ/8 bài/1 cán bộ
4	Chấm bài thi kết thúc học phần	1 giờ/6 bài/ 2 CB
5	Chấm thi vấn đáp	1 giờ/4 học viên/ 2 CB
6	Chấm tiểu luận cao học	1 giờ/4 TL/1 CB
7	Chấm chuyên đề CS, tổng quan NCS	7,5 giờ/1 CĐ,TQ/ 3 CB
8	Chủ tịch, phản biện, thư ký, thành viên Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ	- Chủ tịch: 6,5 giờ/1HĐ - Phản biện: 6,5 giờ/1LV - Thư ký: 5,5 giờ/1HĐ - UV: 5,0 giờ/1HĐ

9	Chủ tịch, phản biện, thư ký, thành viên Hội đồng chấm luận án tiến sĩ	- Chủ tịch: 10,0 giờ/1HĐ - Phản biện: 12 giờ/1LA - Thư ký: 9,0 giờ/1HĐ - UV: 7,5 giờ/1HĐ
---	---	---

4. Quy mô lớp chuẩn và hệ số lớp đông sau đại học

a) Quy mô lớp chuẩn

- Lớp lý thuyết và thực hành: Từ 10 đến 50 học viên/lớp

- Lớp Ngoại ngữ: Từ 10 đến 40 học viên/lớp

b) Hệ số lớp đông sau đại học

	Số lượng học viên	Giờ chuẩn
Lớp lý thuyết và thực hành	<=40	1,0 giờ
	41-60	1,2 giờ
	61-80	1,5 giờ
	>=81	2 giờ
Lớp ngoại ngữ	<=40	1,0 giờ
	>41 - 50	1,2 giờ

Ghi chú: Khối lượng giờ chuẩn giảng dạy hệ chất lượng cao, vừa làm vừa học và sau đại học thanh toán trực tiếp. Mức chi được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện.

Điều 19. Quy định về nghiên cứu khoa học

1. Giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học (tương đương 586 giờ hành chính) để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

2. Việc giao và triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho giảng viên phải phù hợp với điều kiện, tiềm lực khoa học, chiến lược phát triển của đơn vị, của Học viện và phù hợp với năng lực chuyên môn của giảng viên.

3. Mỗi năm, giảng viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được giao tương ứng với chức danh hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên được đánh giá thông qua các sản phẩm nghiên cứu khoa học cụ thể quy định tại khoản 9 Điều này. Không tính giờ nghiên cứu khoa học đối với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thực hiện quá hạn.

4. Đối với giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định, thủ trưởng đơn vị căn cứ mức độ, hoàn cảnh cụ thể để xem xét khi đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách liên quan; đồng thời, cho phép bù giờ chuẩn giảng dạy sang giờ nghiên cứu khoa học đối với những giảng viên này.

5. Giờ nghiên cứu khoa học của giảng viên kiêm nhiệm làm tại các phòng, ban, trung tâm, Ban Giám đốc được tính bằng 50% định mức của ngạch giảng viên tương

ứng.

6. Giảng viên được miễn, giảm định mức nghiên cứu khoa học trong các trường hợp sau:

- Giảng viên được cử đi bồi dưỡng, đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài: được giảm 100% định mức nghiên cứu khoa học;

- Giảng viên học ở trong nước: cao học được giảm 30% định mức; nghiên cứu sinh được giảm 50% định mức; cao cấp, trung cấp lý luận chính trị được giảm 30% định mức; đào tạo giảng viên lý luận chính trị giảm 50% định mức nghiên cứu khoa học (*không tính thời gian gia hạn*).

7. Giảng viên trong thời gian tập sự, thử việc được miễn giảm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học để dành thời gian tham gia dự giờ, trợ giảng và tham gia thực tập, thực tế.

8. Các trường hợp đặc biệt khác do Giám đốc Học viện quyết định.

9. Quy đổi ra giờ chuẩn thời gian thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học (*được tính khi nhiệm vụ khoa học được nghiệm thu*) của giảng viên như sau:

TT	Nhiệm vụ	Giờ chuẩn/năm	Giờ chuẩn/năm (theo quy chế của HVCTQG HCM)
1.	Đề tài nghiên cứu khoa học các cấp		
1.1	Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước	300	
1.2	Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ trọng điểm	250	Chủ nhiệm 01 nhánh đề tài cấp Nhà nước; chủ nhiệm đề tài cấp Bộ, tỉnh, cấp Bộ trọng điểm (250)
1.3	Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ, tỉnh	200	250
1.4	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp cơ sở	100	150
1.5	Thành viên tham gia các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học các cấp	- Thụ ký đề tài = 30% mức giờ của Chủ nhiệm. 70% mức giờ của Chủ nhiệm cùng cấp chia đều cho các thành viên tham gia (theo đăng ký tham gia trong đề tài)	- Thụ ký đề tài = 30% mức giờ của Chủ nhiệm. 70% mức giờ của Chủ nhiệm cùng cấp chia đều cho các thành viên tham gia (theo đăng ký tham gia trong đề tài)

2.	Biên soạn giáo trình, tập bài giảng, sách chuyên khảo, sách tham khảo được nghiệm thu và xuất bản		350 giờ chuẩn/01 công trình. Công trình thực hiện tập thể, chủ biên được hưởng $\frac{1}{2}$ số giờ định mức, $\frac{1}{2}$ số giờ còn lại chia đều cho các thành viên khác. Công trình có 2 người thì chủ biên được hưởng $\frac{2}{3}$ số giờ định mức
2.1	Biên soạn giáo trình, tập bài giảng, sách chuyên khảo, sách tham khảo được nghiệm thu và xuất bản trong nước	- 300 giờ chuẩn/01 công trình. Công trình thực hiện tập thể, chủ biên được hưởng $\frac{1}{2}$ số giờ định mức, $\frac{1}{2}$ số giờ còn lại chia đều cho các thành viên khác. Công trình có 2 người thì chủ biên được hưởng $\frac{2}{3}$ số giờ định mức	
2.2	Biên soạn sách chuyên khảo, sách tham khảo được xuất bản tại nước ngoài	350 giờ chuẩn/01 công trình. Công trình thực hiện tập thể, chủ biên được hưởng $\frac{1}{2}$ số giờ định mức, $\frac{1}{2}$ số giờ còn lại chia đều cho các thành viên khác. Công trình có 2 người thì chủ biên được hưởng $\frac{2}{3}$ số giờ định mức	
3.	Xây dựng đề án, dự án cấp quốc gia được phê duyệt	Đề án thực hiện tập thể thì chủ nhiệm được hưởng	Đề án thực hiện tập thể thì chủ nhiệm được hưởng $\frac{1}{2}$ số giờ định

		<i>½ số giờ định mức, ½ số giờ còn lại chia đều cho các thành viên khác.</i>	<i>mức, ½ số giờ còn lại chia đều cho các thành viên khác.</i>
3.1.	Đề án, dự án cấp quốc gia	250 giờ chuẩn/đề án.	300 giờ chuẩn/đề án.
3.2.	Đề án, dự án cấp Bộ	200 giờ chuẩn/đề án	250 giờ chuẩn/đề án
4.	Báo cáo kiến nghị		
4.1.	Cấp Nhà nước	150 giờ chuẩn/báo cáo	200 giờ chuẩn/báo cáo
4.2.	Cấp Bộ	100 giờ chuẩn/báo cáo	150 giờ chuẩn/báo cáo
4.3.	Cấp cơ sở	50 giờ chuẩn/báo cáo	75 giờ chuẩn/báo cáo
5.	Bài báo được đăng trên tạp chí; báo cáo khoa học được in trong kỷ yếu hội thảo được xuất bản		
5.1	Bài báo công bố trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus hoặc được in trong sách xuất bản bởi nhà xuất bản thuộc danh mục ISI/Scopus	200 giờ chuẩn/bài	200 giờ chuẩn/bài
5.2	Bài báo công bố trên tạp chí quốc tế không thuộc danh mục ISI/SCOPUS	100 giờ chuẩn/bài	100 giờ chuẩn/bài
5.3	Bài báo công bố trên tạp chí khoa học trong nước (có ISSN) được Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước công nhận 1 điểm , kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia	75 giờ chuẩn/bài	100 giờ chuẩn/bài
5.4	Bài báo công bố trên tạp chí khoa học trong nước (có ISSN) được Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước công nhận 0,75	50 giờ chuẩn/bài	75 giờ chuẩn/bài

	điểm			
5.5	Bài báo công bố trên tạp chí khoa học trong nước (có ISSN) được Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước công nhận 0,25 đến 0,5 điểm	25 giờ chuẩn/bài	50 giờ chuẩn/bài	
5.6	Bài báo công bố trên tạp chí khoa học trong nước (có ISSN) nhưng không được Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước tính điểm	15 giờ chuẩn/bài	40 giờ chuẩn/bài	
5.7	Bài báo công bố trên tạp chí, bản tin (không có ISSN)	10 giờ chuẩn/bài	20 giờ chuẩn/bài	
5.8	Báo cáo khoa học in trong kỷ yếu hội thảo quốc tế phù hợp với chuyên ngành (có ISBN)		100 giờ chuẩn/bài	
5.9	Báo cáo khoa học in trong kỷ yếu hội thảo khoa học cấp Học viện, bộ hoặc tương đương (có ISBN) được xuất bản	50 giờ chuẩn/bài	60 giờ chuẩn/bài	
5.10	Báo cáo khoa học in trong kỷ yếu hội thảo khoa học cấp viện, Học viện trực thuộc hoặc tương đương		50 giờ chuẩn/bài	
5.11	Báo cáo khoa học in trong kỷ yếu hội thảo khoa học cấp khoa hoặc tương đương		40 giờ chuẩn/bài	
5.12	Bài báo khoa học công bố trên trang vietnamthinhvuong		40 giờ chuẩn/bài	
5.13	Bài báo khoa học công bố trên các báo điện tử, trang tin điện tử		20 giờ chuẩn/bài	
<i>Bài báo có nhiều tác giả, thì tác giả đứng tên đầu tiên được tính 1/2 số giờ định mức, 1/2 số giờ còn lại chia đều cho các tác giả khác. Trong trường hợp bài báo có 2 tác giả thì chia đôi số giờ định mức cho mỗi tác giả.</i>				
6.	Tham gia Hội đồng khoa học các cấp			Chủ tịch Thành viên

6.1	Hội đồng thẩm định đề cương/thuyết minh nhiệm vụ khoa học				
	- Cấp Nhà nước			20	15
	- Nhánh cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ,			15	10
	- Cấp cơ sở			6	4
6.2	Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học				
	- Cấp Nhà nước			25	20
	- Nhánh cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ,			20	15
	- Cấp cơ sở			10	6

c. Sách phục vụ đào tạo được tính giờ quy đổi phải được Hội đồng khoa học của khoa thành lập, nghiệm thu; tái bản sách, biên dịch sách được quy đổi nhưng không vượt quá 1/3 tổng số giờ quy đổi cho ấn phẩm tương ứng được xuất bản mới.

Điều 20. Định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với giảng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác quản lý, Đảng, đoàn thể (gọi tắt là giảng viên kiêm nhiệm)

1. Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể (trừ giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh) có nghĩa vụ giảng dạy tối thiểu theo định mức dưới đây (tính theo tỷ lệ % của định mức giờ chuẩn giảng dạy quy định tại khoản 4 Điều 15 của Quy định này):

TT	Chức vụ	Định mức tối thiểu (%)
1.	Chủ tịch Hội đồng trường, Giám đốc Học viện	15
2.	Phó chủ tịch Hội đồng trường, Phó Giám đốc Học viện	20
3.	Trưởng ban, Phòng, Trung tâm và tương đương; Thư ký Hội đồng trường	25
4.	Phó Trưởng ban, Phòng, Trung tâm và tương đương	30
5.	Trưởng khoa	70
6.	Phó trưởng khoa	80
7.	Trưởng bộ môn	80
8.	Phó Trưởng bộ môn, Chủ nhiệm lớp, Cố vấn học tập	85
9.	Bí thư Đảng uỷ	15
10.	Phó Bí thư Đảng uỷ	30

11.	Bí thư chi bộ, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công, Chủ tịch hội cựu chiến binh	85
12.	Phó bí thư chi bộ, Phó trưởng ban thanh tra nhân dân, Phó trưởng ban nữ công, Phó Chủ tịch hội cựu chiến binh	90
13.	Giảng viên kiêm giảng không giữ chức vụ quản lý	50
14.	Giảng viên làm công tác quốc phòng, quân sự không chuyên trách quy định tại Nghị định số 168/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về công tác Quốc phòng ở Bộ, ngành trung ương, địa phương	80
15.	Giảng viên đang là quân nhân dự bị, tự vệ được triệu tập huấn luyện, diễn tập hàng năm, thời gian tham gia huấn luyện, diễn tập được tính quy đổi một ngày làm việc bằng 2,5 giờ chuẩn giảng dạy.	
16.	Giảng viên làm công tác đoàn thanh niên, hội sinh viên, hội liên hiệp thanh niên thực hiện theo Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề	
17.	Giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 03 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau: - Giảng viên làm Chủ tịch, Phó chủ tịch công đoàn cơ sở không chuyên trách được giảm 44 giờ chuẩn giảng dạy/năm. - Giảng viên làm ủy viên ban chấp hành, tổ trưởng, tổ phó tổ công đoàn không chuyên trách được giảm 22 giờ chuẩn giảng dạy/năm.	

2. Giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác quản lý, công tác đảng, đoàn thể trong Học viện có nghĩa vụ giảng dạy theo định mức quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BQP-BCA-BNV-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Giảng viên kiêm nhiệm nhiều chức vụ được áp dụng định mức giờ chuẩn giảng dạy thấp nhất trong số các chức vụ kiêm nhiệm quy định tại điều này.

*** Định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với giảng viên được giữa chức hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể; giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác quản lý, công tác đảng, đoàn thể trong Học viện được thay đổi nếu các văn bản quy định trên của Nhà**

nước thay đổi.

Điều 21. Quy đổi các hoạt động học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ chuyên môn khác ra giờ hành chính

TT	Các hoạt động học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ chuyên môn khác được quy đổi ra giờ chuẩn giảng dạy	Quy đổi ra giờ hành chính
1	Tham gia công tác tuyển sinh đại học chính quy tập trung	5 giờ/buổi
2	Hướng dẫn, chỉ đạo sinh viên đi nghiên cứu thực tế chính trị - xã hội, thực tế kinh tế - xã hội, kiến tập, thực tập (có Quyết định của Giám đốc)	80 giờ/đợt
3	Tham gia các hoạt động tập thể (Văn nghệ, thể thao, từ thiện...)	10 giờ/1 hoạt động
4	Tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tập huấn	5 giờ/ngày
5	Tham gia họp hành chính và chuyên môn tại đơn vị (định kỳ và đột xuất)	150 giờ/năm
6	Tham dự họp Đảng, đoàn thể và các cuộc họp khác	75 giờ/năm
7	Tham gia tập huấn, họp triển khai kiểm định chương trình đào tạo (khoa có chương trình đào tạo được kiểm định trong năm)	150 giờ/năm
8	Trợ giảng một buổi (5 tiết) đối với giảng viên tập sự/chưa đủ điều kiện lên lớp (được cấp có thẩm quyền phê duyệt lịch)	2,5 giờ/buổi
9	Dự giờ một buổi (5 tiết) (được cấp có thẩm quyền phê duyệt lịch và có biên bản họp rút kinh nghiệm)	2,0 giờ/buổi

- Đối với các nhiệm vụ đã có kinh phí hỗ trợ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không thực hiện quy đổi thời gian thực hiện nhiệm vụ ra giờ chuẩn giảng dạy; tuy nhiên, các nhiệm vụ này được xem xét tính vào tổng định mức giờ chuẩn giảng dạy để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trong năm đối với giảng viên không vượt định mức lao động.

Điều 22. Miễn giảm tổng định mức giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên trong năm

1. Giảng viên trong thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, nghỉ theo các quy định của Bộ luật Lao động hiện hành được miễn giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ.

2. Giảng viên trong thời gian nghỉ thai sản thì định mức giờ chuẩn được tính như sau:

a) Giảng viên nữ nghỉ thai sản

Giờ chuẩn giảm trừ = Định mức giảng dạy/10 tháng x Số tháng được nghỉ theo quy định.

b) Giảng viên nữ nuôi con nhỏ sau khi nghỉ thai sản dưới 12 tháng

Giờ chuẩn giảm trừ = (Định mức giảng dạy x 20%)/10 tháng x Số tháng nuôi con nhỏ dưới 12 tháng.

c) Giảng viên nữ nuôi con nhỏ từ 13 - 36 tháng (không tròn cả năm)

Giờ chuẩn giảm trừ = (Định mức giảng dạy x 10%)/10 tháng x Số tháng nuôi con nhỏ dưới 36 tháng.

3. Giảng viên được cử đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đi công tác thì được hưởng tỷ lệ miễn giảm theo cách tính sau:

a) Giảng viên được cử đi công tác, đi đào tạo, bồi dưỡng tập trung liên tục mỗi đợt từ 30 ngày trở lên thì cứ mỗi 30 ngày được giảm 10% giờ nghỉ vụ của năm nhưng tối đa không quá 100%. Trong một năm được cử đi nhiều đợt liên tục thì cộng dồn để tính tỷ lệ miễn giảm tương ứng, số ngày lẻ cuối cùng nhiều hơn 15 ngày được tính tròn thành 30 ngày.

b) Giảng viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hệ không tập trung (cao học, nghiên cứu sinh, cao cấp lý luận chính trị...) được giảm 50% định mức giờ giảng.

c) Giảng viên được cử đi học tập trung liên tục từ 10 tháng trở lên được giảm 100% định mức giờ giảng.

d) Các trường hợp miễn giảm đặc biệt khác do Giám đốc Học viện xem xét, quyết định.

Chương V

QUẢN LÝ, ĐÁNH GIÁ GIẢNG VIÊN

Điều 23. Quản lý hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học

1. Lãnh đạo khoa (viện) chịu trách nhiệm quản lý khối lượng, chất lượng giảng dạy của từng giảng viên thuộc quyền quản lý.

2. Lãnh đạo khoa (viện) có trách nhiệm bố trí giờ giảng cho giảng viên. Trường hợp giảng viên chưa đủ định mức giờ chuẩn trong năm thì lãnh đạo đơn vị giảng dạy có trách nhiệm sắp xếp, phân công giảng viên tham gia giảng dạy hoặc làm nhiệm vụ khác để đảm bảo đủ định mức giờ chuẩn theo quy định.

3. Giảng viên có trách nhiệm hoàn thành đủ số giờ trực tiếp lên lớp theo định mức quy định; thống kê toàn bộ khối lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác (trừ khối lượng công việc đã được chi trả trực tiếp) kèm minh chứng (lịch giảng và các sản phẩm khoa học...).

4. Giảng viên không đủ khối lượng nghiên cứu khoa học, có thể lấy khối lượng giờ giảng dạy để bù theo hệ số quy đổi 01 giờ chuẩn giảng dạy bù 04 giờ nghiên cứu khoa học hoặc có thể lấy khối lượng nghiên cứu khoa học để bù số giờ chuẩn giảng dạy (nếu thiếu) theo hệ số quy đổi 04 giờ nghiên cứu khoa học tính bù 01 giờ chuẩn giảng dạy.

Điều 24. Khối lượng công tác của giảng viên quy ra giờ chuẩn được thống kê

để tính cho từng người.

1. Giảng viên được thanh toán số giờ vượt định mức giờ chuẩn khi đảm bảo đã hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác và thanh toán theo từng năm.

2. Việc xác định khối lượng giờ vượt định mức được tính chung cho tất cả giảng viên của khoa, viện. Những giảng viên vượt định mức giờ chuẩn giảng dạy sẽ được tính giờ vượt theo đơn giá quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện.

- Số giờ chuẩn giảng dạy thực giảng của khoa, viện (đại học chính quy tập trung)/năm = Số giờ chuẩn giảng dạy tính theo kế hoạch đào tạo năm học - Số giờ chuẩn mời giảng.

- Số giờ chuẩn vượt định mức của khoa, viện = Số giờ chuẩn giảng dạy thực giảng (đại học chính quy tập trung) - Tổng số giờ giảng theo quy định của tất cả giảng viên (sau khi trừ giờ miễn giảm).

3. Những nội dung công việc đã được thanh toán trực tiếp (coi thi, hỏi thi đại học và sau đại học, giảng dạy và hướng dẫn sau đại học...) thì không được tính vào số giờ định mức.

4. Các loại hình đào tạo được tính “định mức giờ chuẩn giảng dạy”: Đại học chính quy tập trung.

5. Các loại hình đào tạo không được tính “định mức giờ chuẩn giảng dạy”: Đại học vừa làm vừa học, Sau đại học; liên kết đào tạo với nước ngoài; đào tạo theo chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao.

6. Đối với các nhiệm vụ đã có kinh phí hỗ trợ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không thực hiện quy đổi thời gian thực hiện nhiệm vụ ra giờ chuẩn giảng dạy; tuy nhiên, các nhiệm vụ này được xem xét tính vào tổng định mức giờ chuẩn giảng dạy để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trong năm đối với giảng viên không vượt định mức lao động.

7. Giảng viên giảng dạy vượt giờ chuẩn theo quy định được thanh toán vượt giờ. Mức thanh toán vượt giờ được tính theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện.

8. Thời gian làm việc vượt định mức của giảng viên hằng năm không được vượt quá thời gian theo quy định của pháp luật về lao động.

Điều 25. Quản lý, đánh giá giảng viên

Căn cứ vào quy định đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân của pháp luật và của Học viện, thủ trưởng đơn vị giảng dạy có trách nhiệm trực tiếp quản lý, nhận xét, đánh giá, xếp loại giảng viên thuộc đơn vị mình trực tiếp quản lý theo nguyên tắc công khai, dân chủ.

Căn cứ kết quả đánh giá hằng năm, thủ trưởng đơn vị giảng dạy có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sắp xếp, sử dụng cho phù hợp với năng lực, trình độ của giảng viên.

- Giảng viên chịu sự quản lý trực tiếp của Trưởng khoa, Viện trưởng. Trưởng khoa, Viện trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc Học viện về việc phân công giảng viên phụ trách giảng dạy các học phần, các chuyên đề.

- Giảng viên, cán bộ quản lý kiêm nhiệm làm nhiệm vụ giảng dạy ở trong và ngoài Học viện do Giám đốc Học viện quyết định.

- Giảng viên đang làm nhiệm vụ giảng dạy chỉ được Giám đốc Học viện cử đi công tác hoặc đi bồi dưỡng chuyên môn, tham gia thực hiện đề tài, dự án ... khi khoa, viện, bộ môn quản lý sắp xếp được giảng viên dạy thay (*Ban Quản lý Đào tạo điều chỉnh lịch dạy*). Giảng viên không được tự ý bỏ giờ, đổi lịch theo thời khóa biểu đã xếp khi chưa được phép của lãnh đạo khoa/viện, Ban Quản lý đào tạo, Ban Giám đốc.

- Giảng viên giảng dạy cho các khoa/viện khác phải sắp xếp lịch dạy không ảnh hưởng đến kế hoạch đào tạo của khoa chủ quản. Nếu vi phạm sẽ bị xử lý như quy định bỏ giờ.

- Để bảo đảm quyền lợi của giảng viên trong công tác giảng dạy, nghiên cứu, nâng cao trình độ, các khoa, viện, bộ môn phải bố trí số giờ dạy cho giảng viên hợp lý, không nhiều hơn 01 lần số giờ chuẩn định mức. Trường hợp đặc biệt thì trình Giám đốc Học viện xem xét và quyết định nhưng không được vượt quá 1760 giờ làm việc trong năm.

- Các khoa, viện, bộ môn phải có kế hoạch cho giảng viên tập sự đi dự giờ giảng của các giảng viên có kinh nghiệm thuộc lĩnh vực chuyên môn của khoa. Trong một năm học, giảng viên tập sự (*hoặc hợp đồng tập sự*), phải đi dự tối thiểu 40 tiết dạy.

Trưởng khoa (Viện trưởng) có trách nhiệm trực tiếp quản lý, nhận xét, đánh giá giảng viên thuộc đơn vị mình trực tiếp quản lý theo nguyên tắc công khai, dân chủ (theo Quy chế đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân của Học viện).

Căn cứ kết quả đánh giá hằng năm, Trưởng khoa (Viện trưởng) có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sắp xếp, sử dụng cho phù hợp với năng lực, trình độ của giảng viên.

Điều 26. Quy định kéo dài thời gian làm việc đối với giảng viên đủ tuổi nghỉ hưu

Giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư và giảng viên có trình độ tiến sĩ được kéo dài thời gian làm việc kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu để giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

Điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của Nhà nước và của Học viện.

Điều 27. Công nhận, sử dụng, quản lý giảng viên kiêm nhiệm

1. Công nhận giảng viên kiêm nhiệm

a) Đối tượng có nguyện vọng tham gia giảng dạy kiêm nhiệm, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy theo yêu cầu chuyên môn, có đơn đề nghị (có sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị đang công tác) gửi đơn vị giảng dạy, nghiên cứu.

b) Thủ trưởng đơn vị giảng dạy xem xét nhu cầu, đánh giá chuyên môn của người có đơn đề nghị và ý kiến của Hội đồng khoa học đơn vị, phối hợp với cơ quan tổ chức - cán bộ báo cáo Giám đốc Học viện ra quyết định công nhận giảng viên kiêm nhiệm.

c) Giám đốc Học viện ra quyết định phân công giảng viên kiêm nhiệm về các khoa (viện) theo đăng ký tự nguyện của giảng viên, bảo đảm đúng yêu cầu chuyên môn và có sự chấp thuận của lãnh đạo đơn vị.

2. Sử dụng, quản lý giảng viên kiêm nhiệm

a) Hằng năm, các đơn vị nghiên cứu, giảng dạy có trách nhiệm bố trí giờ giảng cho giảng viên kiêm nhiệm được phân công về đơn vị mình tối thiểu bằng 25% định mức giờ chuẩn của ngạch giảng viên tương đương để đảm bảo đủ định mức giờ chuẩn của ngạch giảng viên tương ứng.

b) Hằng năm, giảng viên kiêm nhiệm có bản đăng ký giảng dạy tại khoa, viện, ngành, chuyên ngành, môn giảng dạy, có sự phê duyệt đồng ý của lãnh đạo khoa, viện, Ban Quản lý đào tạo, Ban Giám đốc. Mỗi cán bộ chỉ được tham gia giảng dạy kiêm nhiệm không quá 03 đơn vị nghiên cứu, giảng dạy.

c) Giờ giảng dạy định mức của giảng viên kiêm nhiệm được tính trong nhiệm vụ giảng dạy của bộ môn, khoa, viện mà giảng viên đó sinh hoạt chuyên môn; đồng thời là căn cứ để tính hưởng phụ cấp ưu đãi cho giảng viên kiêm nhiệm. Nhà trường chỉ thanh toán số giờ vượt định mức giảng dạy của giảng viên kiêm nhiệm khi đã đủ số giờ định mức và được thanh toán trực tiếp theo chế độ giảng viên mời.

e) Các Phòng, Ban, Trung tâm, các đơn vị chức năng trong Học viện điều kiện thuận lợi cho cán bộ là giảng viên kiêm nhiệm thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy. Phối hợp với đơn vị nghiên cứu giảng dạy nắm bắt tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy làm căn cứ bổ sung cho việc đánh giá, xếp loại và bình xét các danh hiệu thi đua hàng năm đối với giảng viên kiêm nhiệm.

Điều 28. Công nhận, sử dụng, quản lý giảng viên thỉnh giảng

1. Công nhận giảng viên thỉnh giảng

a) Căn cứ nhu cầu công tác giảng dạy của đơn vị nghiên cứu, giảng dạy và khả năng tham gia của giảng viên, thủ trưởng đơn vị đề xuất danh sách đề nghị Giám đốc Học viện (qua Ban Tổ chức – Cán bộ) quyết định công nhận giảng viên thỉnh giảng.

b) Giám đốc Học viện đề xuất danh sách và đề nghị cấp trên ra quyết định công nhận cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý làm giảng viên thỉnh giảng cao cấp của Học viện.

c) Trên cơ sở danh sách giảng viên thỉnh giảng đã được phê duyệt, căn cứ kế hoạch đào tạo, đơn vị giảng dạy, nghiên cứu phối hợp với đơn vị quản lý đào tạo mời giảng viên thỉnh giảng.

2. Sử dụng, quản lý giảng viên thỉnh giảng

a) Thủ trưởng đơn vị giảng dạy, nghiên cứu bố trí kế hoạch giảng dạy hợp lý, sử dụng có hiệu quả đội ngũ giảng viên thỉnh giảng kết hợp hài hòa với việc sử dụng đội ngũ giảng viên cơ hữu của đơn vị.

b) Hạn mức giờ thỉnh giảng: Tổng số giờ thỉnh giảng một năm của một giảng viên thỉnh giảng không vượt quá tổng định mức giờ giảng dạy theo quy định của giảng viên hạng I, hạng II, hạng III.

Điều 29. Khen thưởng, kỷ luật

1. Khen thưởng: Giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, có thành tích xuất sắc trong giảng dạy và thực hiện nhiệm vụ được khen thưởng theo quy định của pháp luật và của Học viện về thi đua, khen thưởng.

2. Kỷ luật: Giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ hoặc có hành vi vi phạm pháp luật và các quy định của Học viện thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Học viện.

Điều 30. Trách nhiệm của Trưởng các đơn vị trực thuộc

Trưởng các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm quản lý, bố trí và sử dụng có hiệu quả đội ngũ giảng viên. Thường xuyên chăm lo công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để giảng viên phấn đấu vươn lên hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Chương VI**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 31. Hiệu lực thi hành**

1. Quy định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Quy định này thay thế Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành kèm theo Quyết định số 928/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 01/3/2018 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều 32. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, các cơ quan chức năng và các giảng viên trong toàn Học viện có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo Giám đốc Học viện (qua Ban Tổ chức - Cán bộ) để xem xét sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Học viện,
- Thường trực Đảng ủy Học viện,
- Các đơn vị trực thuộc Học viện,
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC**Phạm Minh Sơn**